

Số: 115/2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ
Quy định về thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 215/2026/NĐ-CP quy định về an ninh hàng không;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đối tượng, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp và trách nhiệm quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam.

Điều 3. Biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư

Các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này quy định tại Phụ lục I gồm:

- Mẫu số 01 về Công văn đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không.
- Mẫu số 02 về Công văn đề nghị cấp giấy phép, năng định chuyên môn cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.
- Mẫu số 03 về Tờ khai cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn.
- Mẫu số 04 về Danh sách trích ngang cán bộ, nhân viên cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn.
- Mẫu số 05 về Danh sách đề nghị cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn.

6. Mẫu số 06 về Danh sách phương tiện đề nghị cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn/ngắn hạn.

7. Mẫu số 07 về Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn.

8. Mẫu số 08 về Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn.

9. Mẫu số 09 về Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn.

10. Mẫu số 10 về Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn.

11. Mẫu số 11 về Thẻ giám sát viên an ninh hàng không.

12. Mẫu số 12 về Giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không.

Chương II

THẺ, GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 4. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không gồm:

a) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không loại có giá trị sử dụng dài hạn và loại có giá trị sử dụng ngắn hạn theo các mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

b) Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ loại có giá trị sử dụng dài hạn và loại có giá trị sử dụng ngắn hạn;

c) Thẻ nhận dạng tổ bay của hãng hàng không.

2. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không phải được bảo mật, chống làm giả; các thông tin cơ bản trên thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

3. Các quy định về giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không cấp cho phương tiện theo quy định của Thông tư này chỉ áp dụng đối với phương tiện tự hành và phương tiện giao thông đường bộ.

4. Thẻ nhận dạng tổ bay của các hãng hàng không; thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ không được giống với mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không và phải được thông báo cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Công an cấp tỉnh chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không nơi hãng hàng không khai thác, doanh nghiệp hoạt động để giám sát, quản lý.

5. Thẻ kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng dài hạn phải có các thông tin cơ bản sau đây:

- a) Số thẻ; ký hiệu của doanh nghiệp;
- b) Thời hạn hiệu lực của thẻ;
- c) Họ và tên của người được cấp thẻ;
- d) Chức danh của người được cấp thẻ;
- đ) Tên cơ quan, đơn vị của người được cấp thẻ;
- e) Ảnh của người được cấp thẻ;
- g) Khu vực hạn chế được phép vào và hoạt động (nếu có);
- h) Quy định về sử dụng thẻ.

6. Thẻ kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng ngắn hạn phải có các thông tin cơ bản quy định tại các điểm a, b, c, g và h khoản 5 Điều này.

7. Giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng dài hạn phải có các thông tin cơ bản sau đây:

- a) Số giấy phép;
- b) Thời hạn hiệu lực của giấy phép;
- c) Loại phương tiện;
- d) Biển kiểm soát phương tiện;
- đ) Khu vực hạn chế được phép vào và hoạt động (nếu có);
- e) Cổng ra, cổng vào;
- g) Tên cơ quan, đơn vị chủ quản phương tiện.

8. Giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng ngắn hạn phải có các thông tin cơ bản quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 7 Điều này.

9. Thẻ nhận dạng tổ bay của hãng hàng không có các thông tin cơ bản sau đây:

- a) Số thẻ;
- b) Thời hạn hiệu lực của thẻ;
- c) Họ và tên của người được cấp thẻ;
- d) Chức danh của người được cấp thẻ;
- đ) Tên, biểu tượng hãng hàng không;
- e) Ảnh của người được cấp thẻ.

Điều 5. Thời hạn của thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn có thời hạn không quá 02 năm, kể từ ngày cấp.

2. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng

ngắn hạn có thời hạn không quá 30 ngày, kể từ thời điểm có hiệu lực.

3. Thẻ nhận dạng tổ bay của hãng hàng không Việt Nam và thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng dài hạn có thời hạn không quá 02 năm, kể từ ngày cấp.

4. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ có giá trị sử dụng ngắn hạn có thời hạn không quá 30 ngày, kể từ thời điểm có hiệu lực.

Điều 6. Đối tượng, điều kiện cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không

1. Đối tượng được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn gồm:

a) Cán bộ, nhân viên của các hãng hàng không, doanh nghiệp cảng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, du lịch tại khu vực hạn chế của cảng hàng không có hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc không xác định thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động;

b) Nhân viên của doanh nghiệp giao nhận hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không;

c) Nhân viên của doanh nghiệp thực hiện khảo sát, thi công, sửa chữa, bảo dưỡng công trình, trang thiết bị tại cảng hàng không;

d) Cán bộ, nhân viên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;

đ) Người của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

2. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không có án tích theo quy định của pháp luật;

b) Được hãng hàng không, doanh nghiệp chủ quản giao nhiệm vụ làm việc theo ca hoặc hàng ngày hoặc định kỳ theo tuần, tháng tại khu vực hạn chế của cảng hàng không trong thời gian từ 03 tháng liên tục trở lên hoặc có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực hàng không tại các khu vực hạn chế.

3. Đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không có án tích theo quy định của pháp luật;

b) Được doanh nghiệp quản lý giao nhiệm vụ làm việc theo ca hoặc hàng ngày hoặc định kỳ theo tuần, tháng tại khu vực hạn chế của cảng hàng không trong thời gian từ 03 tháng liên tục trở lên.

4. Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn với điều kiện không có án

tích theo quy định của pháp luật và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Có nhiệm vụ thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng liên quan trực tiếp đến hoạt động hàng không dân dụng;

b) Phục vụ chuyên cơ, chuyên khoang theo quy định của pháp luật về chuyên cơ, chuyên khoang;

c) Thực hiện nhiệm vụ chuyên trách đón, tiễn các đoàn khách quốc tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp trung ương; cơ quan nhà nước cấp trung ương hoặc cấp tỉnh;

d) Thường xuyên, chuyên trách đưa, đón các đồng chí giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam được quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Cảnh vệ; Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bộ trưởng và các chức vụ tương đương trở lên; các đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Phó Chủ tịch nước, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thứ trưởng Bộ Công an; Thứ trưởng Bộ Xây dựng; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng tham mưu trưởng, Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng tham mưu, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; người điều khiển phương tiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 7 của Thông tư này;

đ) Được cơ quan, tổ chức chủ quản giao nhiệm vụ làm việc theo ca hoặc hàng ngày hoặc định kỳ theo tuần, tháng tại khu vực hạn chế của cảng hàng không trong thời gian từ 03 tháng liên tục trở lên hoặc có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực hàng không tại các khu vực hạn chế;

e) Các trường hợp đặc biệt do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm.

5. Đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này chỉ được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn vào cảng hàng không quốc tế nếu có công việc thường xuyên thuộc lĩnh vực ngoại giao, lãnh sự tại khu vực hạn chế cảng hàng không.

6. Đối tượng, điều kiện cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn như sau:

a) Các đối tượng có nhiệm vụ, công việc đột xuất tại khu vực hạn chế của cảng hàng không hoặc đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều này mà chưa được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn thì được xem xét cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn;

b) Người đến nhận thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn phải đọc, hiểu quy định về sử dụng thẻ của Thông tư này và cam kết phổ biến quy định về sử dụng thẻ đến người sử dụng thẻ. Người sử dụng thẻ chịu trách nhiệm tự liên hệ để có người hộ tống vào, hoạt động tại khu vực hạn chế theo quy định;

c) Các trường hợp đặc biệt do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm.

Điều 7. Đối tượng, điều kiện cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không

1. Đối tượng được xem xét cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn gồm:

a) Phương tiện hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không;

b) Phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước có nhiệm vụ phục vụ chuyên cơ, chuyên khoang;

c) Phương tiện thuộc quản lý của cơ quan Đảng, Nhà nước và chuyên phục vụ các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước nêu tại điểm d khoản 4 Điều 6 của Thông tư này.

2. Đối tượng được xem xét cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn gồm:

a) Phương tiện sử dụng để đưa đón khách quốc tế từ cấp Bộ trưởng trở lên;

b) Phương tiện thực hiện các nhiệm vụ đột xuất về quản lý nhà nước, quốc phòng, an ninh, y tế, ngoại giao; phục vụ hoạt động của cảng hàng không tại khu vực hạn chế;

c) Phương tiện quy định tại khoản 1 Điều này nhưng chưa được cấp giấy phép có giá trị sử dụng dài hạn;

d) Các trường hợp đặc biệt do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Người đến nhận giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn phải đọc, hiểu quy định về sử dụng giấy phép của Thông tư này và cam kết phổ biến quy định về sử dụng giấy phép đến người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép. Người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép chịu trách nhiệm tự liên hệ để có người hộ tống hoặc phương tiện dẫn đường theo quy định về việc ra, vào và hoạt động tại khu vực hạn chế.

Điều 8. Nguyên tắc cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không

1. Nguyên tắc cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không:

a) Người làm việc tại một cảng hàng không chỉ được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn tại cảng hàng không nơi làm việc;

b) Người làm việc tại nhiều cảng hàng không được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn tại các cảng hàng không nơi làm việc;

c) Người có nhiệm vụ tại khu vực hạn chế nào chỉ được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không vào khu vực hạn chế đó; người có nhiệm vụ tại khu vực hạn chế trong thời gian nào chỉ được cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng trong thời gian đó;

d) Thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn chỉ được phép sử dụng tại một cảng hàng không.

2. Nguyên tắc cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không:

a) Phương tiện có nhiệm vụ tại khu vực hạn chế nào chỉ được cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không vào khu vực hạn chế đó; phương tiện có nhiệm vụ tại khu vực hạn chế trong thời gian nào chỉ được cấp giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng trong thời gian đó;

b) Giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn chỉ được phép sử dụng tại một cảng hàng không.

Điều 9. Thẩm quyền cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không

1. Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền cấp thẻ kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn tại một hoặc từ hai cảng hàng không trở lên.

2. Công an cửa khẩu cảng hàng không quốc tế thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn tại cảng hàng không được phân công chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không.

3. Công an cấp tỉnh có thẩm quyền cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn, ngắn hạn tại các cảng hàng không do Công an cấp tỉnh chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không.

4. Các hãng hàng không cấp thẻ nhận dạng tổ bay được phép vào và hoạt động tại các khu vực hạn chế có liên quan đến nhiệm vụ của tổ bay.

5. Doanh nghiệp chủ quản khu vực hạn chế sử dụng riêng cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh nội bộ được phép vào và hoạt động tại các khu vực hạn chế sử dụng riêng của doanh nghiệp.

Điều 10. Trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không

1. Trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn như sau:

a) Cơ quan đề nghị cấp thẻ, giấy phép nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Phụ lục III kèm Thông tư này đến cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ, giấy phép;

b) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ quan cấp thẻ, giấy phép thông báo đề nghị bổ sung hồ sơ theo quy định. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mà cơ quan, đơn vị đề nghị cấp thẻ, giấy phép không phản hồi hoặc không bổ sung hồ sơ theo đúng quy định hoặc không đóng phí, cơ quan cấp thẻ, giấy phép từ chối cấp thẻ, giấy phép và gửi thông báo bằng văn bản trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ đã thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định, nếu đủ điều kiện theo quy định, cơ quan cấp thẻ, giấy phép thực hiện việc cấp thẻ, giấy phép; nếu không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan cấp thẻ, giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

d) Cơ quan đề nghị cấp thẻ, giấy phép có thể lựa chọn nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ, giấy phép hoặc qua dịch vụ bưu chính; trường hợp nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì phải trả phí chuyển phát.

2. Trình tự, thủ tục cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn như sau:

a) Cơ quan đề nghị cấp thẻ, giấy phép nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này đến cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ, giấy phép;

b) Trong thời hạn không quá 60 phút, kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ và người nộp hồ sơ đã thực hiện nghĩa vụ nộp phí theo quy định; nếu đủ điều kiện theo quy định, cơ quan cấp thẻ, giấy phép thực hiện việc cấp thẻ, giấy phép; nếu không đủ điều kiện theo quy định, cơ quan cấp thẻ, giấy phép thông báo trực tiếp hoặc trên môi trường điện tử cho cơ quan đề nghị về việc không cấp và nêu rõ lý do;

c) Cơ quan đề nghị cấp thẻ, giấy phép nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan cấp thẻ, giấy phép.

3. Trong thời hạn quy định điểm c khoản 1 Điều này cơ quan cấp, cơ quan, đơn vị và cá nhân đề nghị cấp thẻ, giấy phép có trách nhiệm sau đây:

a) Cơ quan cấp thẻ, giấy phép chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ và các nội dung về đối tượng, điều kiện, phạm vi và thời hạn cấp thẻ, giấy phép;

b) Cơ quan, đơn vị và cá nhân đề nghị cấp thẻ, giấy phép có trách nhiệm giải trình và cung cấp các tài liệu chứng minh cho cơ quan cấp thẻ, giấy phép để làm rõ các nội dung quy định tại điểm a khoản 3 Điều này trong quá trình thẩm

định hồ sơ;

c) Cơ quan cấp thẻ, giấy phép có quyền từ chối cấp thẻ, giấy phép nếu đơn vị và cá nhân đề nghị cấp thẻ, giấy phép không giải trình và cung cấp tài liệu chứng minh hoặc vi phạm các quy định về việc quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép hoặc phát hiện hành vi khai, xác nhận không trung thực trong hồ sơ đề nghị cấp thẻ, giấy phép.

Điều 11. Quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không

1. Người được cấp thẻ, người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép phải sử dụng đúng mục đích, bảo quản, giữ gìn thẻ, giấy phép, không cho người khác sử dụng dưới bất cứ hình thức nào. Trường hợp người, phương tiện được cấp thẻ, giấy phép không còn nhiệm vụ tại khu vực hạn chế thì phải nộp lại thẻ, giấy phép cho cơ quan đề nghị cấp thẻ, giấy phép để trả lại thẻ, giấy phép cho cơ quan cấp. Trường hợp bị mất thẻ, giấy phép phải báo ngay cho cơ quan cấp và cơ quan chủ quản của mình.

2. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không sẽ bị thu hồi nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người sử dụng thẻ, người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép vi phạm quy định về an ninh hàng không;

b) Người sử dụng thẻ, người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép gây rối trật tự tại cảng hàng không;

c) Người sử dụng thẻ, người sử dụng phương tiện được cấp giấy phép vi phạm quy định về sử dụng thẻ, giấy phép;

d) Người được cấp thẻ không còn đáp ứng về đối tượng, điều kiện cấp thẻ;

đ) Phương tiện được cấp giấy phép không còn đáp ứng về đối tượng, điều kiện cấp giấy phép.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý người, phương tiện được cấp thẻ, giấy phép chịu trách nhiệm:

a) Bảo đảm người, phương tiện được đề nghị cấp thẻ, giấy phép đúng đối tượng theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Thông tư này;

b) Bảo đảm tính chính xác của hồ sơ đề nghị cấp thẻ, giấy phép;

c) Giải trình và cung cấp các tài liệu chứng minh cho cơ quan cấp thẻ, giấy phép trong quá trình thẩm định hồ sơ;

d) Quy định việc quản lý và sử dụng thẻ, giấy phép của các cá nhân, phương tiện của đơn vị mình khi được cấp để bảo đảm sử dụng đúng mục đích. Thu hồi và bàn giao cho cơ quan cấp trong trường hợp thẻ, giấy phép bị thu hồi theo quy định tại khoản 2 Điều này và thẻ, giấy phép bị hủy giá trị sử dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Thông tư này. Thông báo ngay bằng văn bản các trường hợp

mất thẻ, giấy phép cho cơ quan cấp thẻ, giấy phép. Trong vòng 15 ngày sau khi thẻ, giấy phép hết hạn sử dụng phải tiêu hủy thẻ, giấy phép.

4. Người vào, ra và hoạt động tại khu vực hạn chế phải có thẻ kiểm soát an ninh hàng không do cơ quan có thẩm quyền cấp, trừ trường hợp là hành khách đi tàu bay hoặc trong trường hợp khẩn nguy an ninh, an toàn tại cảng hàng không.

Điều 12. Niêm yết và lưu trữ hồ sơ cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không

1. Tại nơi cấp thẻ, giấy phép phải niêm yết quy định về hồ sơ và quy trình cấp thẻ, giấy phép; phải có sổ giao nhận thẻ, giấy phép.

2. Hồ sơ cấp thẻ, giấy phép phải được lưu trữ, tiêu hủy theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 13. Các trường hợp thẻ, giấy phép bị hủy giá trị sử dụng và cấp lại thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không

1. Thẻ, giấy phép bị hủy giá trị sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Thẻ, giấy phép bị hỏng; nội dung trên thẻ, giấy phép bị mờ, không còn dấu hiệu bảo mật;

b) Các trường hợp bị thu hồi thẻ, giấy phép quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư này;

c) Thẻ, giấy phép bị mất;

d) Các trường hợp phải thu hồi thẻ, giấy phép nhưng người, đơn vị được cấp không trả lại thẻ, giấy phép cho cơ quan cấp.

2. Cơ quan cấp thẻ, giấy phép phải cập nhật vào cơ sở dữ liệu hoặc thông báo ngay bằng văn bản danh sách các trường hợp mất thẻ, giấy phép cho lực lượng kiểm soát an ninh hàng không để kịp thời ngăn chặn việc sử dụng thẻ, giấy phép đã mất. Trong vòng 15 ngày sau khi nhận được thẻ, giấy phép bị hủy giá trị sử dụng cơ quan cấp thẻ, giấy phép phải tiêu hủy thẻ, giấy phép.

3. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không được xem xét cấp lại trong những trường hợp sau:

a) Thẻ, giấy phép còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật;

b) Thẻ, giấy phép hết thời hạn sử dụng; bị mất; do thay đổi vị trí, nhiệm vụ công tác, tên cơ quan đề nghị cấp thẻ thay đổi.

Chương III
THẺ GIÁM SÁT VIÊN AN NINH HÀNG KHÔNG,
GIÁM SÁT VIÊN AN NINH NỘI BỘ

Điều 14. Thẻ giám sát viên an ninh hàng không, giám sát viên an ninh nội bộ

1. Thẻ giám sát viên an ninh hàng không quy định tại Phụ lục I kèm theo

Thông tư này.

2. Thẻ giám sát viên an ninh nội bộ do hãng hàng không, doanh nghiệp có chương trình an ninh hàng không cấp không được giống với mẫu thẻ giám sát an ninh hàng không và phải thông báo cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Công an cấp tỉnh chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không tại cảng hàng không nơi hãng hàng không khai thác, doanh nghiệp hoạt động để giám sát, quản lý.

3. Thẻ giám sát viên an ninh hàng không, thẻ giám sát viên an ninh nội bộ phải được bảo mật, chống làm giả.

4. Thẻ giám sát viên an ninh hàng không chỉ có giá trị sử dụng trong nhiệm kỳ của giám sát viên an ninh hàng không theo quyết định bổ nhiệm của Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Điều 15. Đối tượng, điều kiện được cấp thẻ giám sát viên an ninh hàng không

Cán bộ, chiến sĩ Cục Quản lý xuất nhập cảnh và Công an cấp tỉnh chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không được cấp thẻ giám sát viên an ninh hàng không khi đủ các điều kiện sau:

1. Có thời gian làm việc trong lĩnh vực an ninh hàng không hoặc lĩnh vực bảo đảm an ninh quốc gia tối thiểu 02 năm.

2. Đã hoàn thành khóa học nghiệp vụ giám sát viên an ninh hàng không và được cấp chứng chỉ theo quy định về huấn luyện an ninh hàng không.

Điều 16. Đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại thẻ giám sát viên an ninh hàng không

1. Đình chỉ hiệu lực thẻ giám sát viên an ninh hàng không trong các trường hợp sau:

a) Đang bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Có dấu hiệu vi phạm quy định, quy trình nghiệp vụ giám sát an ninh hàng không;

c) Các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thu hồi thẻ giám sát viên an ninh hàng không trong các trường hợp sau:

a) Không còn đảm nhiệm nhiệm vụ giám sát an ninh hàng không;

b) Sử dụng thẻ không đúng mục đích;

c) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức, buộc thôi việc hoặc bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

3. Cấp lại thẻ giám sát viên an ninh hàng không do thẻ còn thời hạn sử dụng nhưng bị mờ, hỏng hoặc không còn dấu hiệu bảo mật hoặc bị mất.

4. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh quyết định việc đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại của thẻ giám sát viên an ninh hàng không.

Điều 17. Thẩm quyền cấp thẻ giám sát viên an ninh hàng không và thẻ giám sát viên an ninh nội bộ

1. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền cấp thẻ giám sát viên an ninh hàng không.

2. Hãng hàng không, doanh nghiệp có chương trình an ninh hàng không quyết định việc cấp thẻ giám sát viên an ninh nội bộ.

Chương IV

GIẤY PHÉP, NĂNG ĐỊNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM SOÁT AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 18. Giấy phép, năng định đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không của cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không có hiệu lực là 08 năm, kể từ ngày cấp. Thời hạn năng định đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không như sau:

a) Đối với cán bộ, chiến sĩ kiểm soát an ninh hàng không, thời hạn hiệu lực của năng định an ninh soi chiếu là 12 tháng;

b) Đối với nhân viên kiểm soát an ninh hàng không của doanh nghiệp, thời hạn hiệu lực của năng định an ninh soi chiếu là 12 tháng; thời hạn năng định an ninh kiểm soát, an ninh cơ động là 24 tháng;

c) Trường hợp không làm công việc được năng định trong thời gian trên 06 tháng liên tục, năng định được cấp sẽ mất hiệu lực, khi trở lại làm việc phải qua kỳ sát hạch phục hồi năng định.

Điều 19. Đối tượng, điều kiện cấp giấy phép, năng định đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không khi thực hiện nhiệm vụ phải có giấy phép và năng định còn hiệu lực do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp.

2. Điều kiện được cấp giấy phép và năng định như sau:

a) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp; có thời gian thực tập nghiệp vụ chuyên môn phù hợp tối thiểu là 01 tháng do cơ quan chủ quản xác nhận;

b) Tham dự kỳ sát hạch cấp giấy phép và năng định chuyên môn về an ninh

hàng không do Hội đồng sát hạch cấp giấy phép, năng định cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không của Cục Quản lý xuất nhập cảnh tổ chức đạt từ 85 điểm trở lên và không bị điểm 0 (không).

Điều 20. Thẩm quyền cấp giấy phép, năng định đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền cấp giấy phép và năng định đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

Điều 21. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép, năng định đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Cơ quan, đơn vị đề nghị cấp phép lần đầu, cấp lại giấy phép và gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử 01 hồ sơ quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Cục Quản lý xuất nhập cảnh thẩm định hồ sơ, như sau:

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc cơ quan đề nghị chưa nộp phí theo quy định, Cục Quản lý xuất nhập cảnh thông báo và đề nghị bổ sung hồ sơ theo quy định;

b) Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức sát hạch và cấp, cấp lại giấy phép, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định cho cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không trong thời hạn 20 ngày làm việc đối với cấp giấy phép lần đầu, cấp lại giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực, gia hạn, bổ sung, phục hồi năng định; trong thời hạn 07 ngày làm việc đối với cấp lại giấy phép bị mất, hỏng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; giấy phép, năng định cấp, cấp lại, gia hạn, bổ sung, phục hồi được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến cơ quan, đơn vị đề nghị cấp; trường hợp không cấp, cấp lại, gia hạn, bổ sung, phục hồi giấy phép, năng định phải thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trên môi trường điện tử về việc không cấp và nêu rõ lý do.

Điều 22. Đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép, năng định đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không

1. Cục Quản lý xuất nhập cảnh đình chỉ hiệu lực hoặc thu hồi giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không (không áp dụng đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không đã bị tước giấy phép theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng) trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi khi người được cấp giấy phép không còn đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Thông tư này;

b) Đình chỉ hiệu lực giấy phép trong thời gian tối đa 01 tháng đối với các

trường hợp: bị kỷ luật khiển trách; có sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ nhưng chưa gây ra hậu quả mất an ninh;

c) Đình chỉ hiệu lực giấy phép trong thời gian tối đa 03 tháng đối với các trường hợp kỷ luật khiển trách lần thứ 02 hoặc cảnh cáo;

d) Đình chỉ hiệu lực giấy phép trong thời gian tối đa 06 tháng đối với các trường hợp thực hiện nhiệm vụ không đúng với nghiệp vụ chuyên môn được cấp phép, năng định;

đ) Thu hồi đối với các trường hợp khi người được cấp giấy phép: có sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ gây ra hậu quả mất an ninh hàng không tại cảng hàng không; có hành vi che giấu lỗi vi phạm quy định về an ninh hàng không; nghỉ hưu theo quy định của pháp luật; được điều động, luân chuyển, bố trí hoặc chuyển sang vị trí công tác không trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không.

2. Người bị thu hồi giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không quy định tại khoản 1 Điều này khi trở lại làm việc phải qua sát hạch cấp lại giấy phép, năng định cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

Điều 23. Hội đồng sát hạch

1. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh thành lập Hội đồng sát hạch để tổ chức sát hạch cấp giấy phép, năng định cho cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không và quy định quy chế làm việc của Hội đồng sát hạch. Thành phần Hội đồng sát hạch gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng sát hạch là lãnh đạo Cục Quản lý xuất nhập cảnh;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng sát hạch là lãnh đạo Trung tâm An ninh hàng không quốc gia;
- c) Thư ký Hội đồng sát hạch là cán bộ, chiến sĩ Trung tâm An ninh hàng không quốc gia;
- d) Thành viên Hội đồng sát hạch là cán bộ, chiến sĩ Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

2. Cục Quản lý xuất nhập cảnh được phép sử dụng cơ sở vật chất, chuyên gia của các tổ chức trong và ngoài nước để tổ chức sát hạch cho cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không.

3. Hội đồng sát hạch làm việc phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, quyết định theo đa số; trường hợp các thành viên trong Hội đồng có ý kiến ngang nhau thì thực hiện theo kết luận của Chủ tịch Hội đồng.

4. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ sau:

- a) Thành lập Tổ sát hạch gồm ít nhất 01 thành viên Hội đồng sát hạch là Tổ trưởng và các sát hạch viên;

b) Tổ chức xây dựng kế hoạch sát hạch, quy trình sát hạch, nội dung sát hạch, ngân hàng câu hỏi sát hạch trình Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh ban hành;

c) Kiểm tra phương tiện, trang thiết bị, địa điểm sát hạch, phương án bảo đảm an toàn trong quá trình sát hạch;

d) Tổ chức sát hạch và báo cáo Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh kết quả sát hạch để cấp giấy phép, năng định cho cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kiểm soát an ninh hàng không;

5. Chủ tịch Hội đồng sát hạch chịu trách nhiệm về việc lựa chọn sát hạch viên và kết quả sát hạch trước Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Điều 24. Nhiệm vụ của Tổ sát hạch

1. Thực hiện việc sát hạch, tổng hợp kết quả, đánh giá kỳ sát hạch để báo cáo Hội đồng sát hạch.

2. Tổng hợp kết quả sát hạch, báo cáo Hội đồng sát hạch.

3. Yêu cầu thí sinh chấp hành nội quy sát hạch; không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành.

4. Lập biên bản các trường hợp vi phạm để xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo Hội đồng sát hạch xử lý vi phạm theo quy định.

5. Tổ trưởng Tổ sát hạch chịu trách nhiệm về kết quả sát hạch trước Hội đồng sát hạch.

6. Biên soạn đề sát hạch, thang điểm và báo cáo Chủ tịch Hội đồng sát hạch quyết định.

Điều 25. Sát hạch viên

1. Sát hạch viên là thành viên Tổ sát hạch, được lựa chọn từ cán bộ, chiến sĩ của Cục Quản lý xuất nhập cảnh và Phòng Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an cấp tỉnh chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, hãng hàng không Việt Nam, doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung.

2. Tiêu chuẩn của sát hạch viên:

a) Có tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống tốt, không vi phạm kỷ luật trong 03 (ba) năm gần nhất;

b) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực tham gia sát hạch;

c) Có kinh nghiệm ít nhất 03 (ba) năm làm việc ở vị trí chuyên môn phù hợp với lĩnh vực sát hạch.

Điều 26. Lập, quản lý và lưu trữ hồ sơ sát hạch

1. Hội đồng sát hạch có trách nhiệm lập, quản lý đầy đủ hồ sơ sát hạch trong quá trình tổ chức sát hạch.

2. Hồ sơ sát hạch bao gồm: Biên bản sát hạch; kết quả sát hạch; danh sách thí sinh tham dự sát hạch; các tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc tổ chức và báo cáo kết quả sát hạch.

3. Cục Quản lý xuất nhập cảnh thực hiện việc quản lý, lưu trữ, khai thác, sử dụng và tiêu hủy hồ sơ sát hạch theo quy định của pháp luật liên quan.

Chương V

THẺ, GIẤY PHÉP KIỂM SOÁT AN NINH CẢNG HÀNG KHÔNG CHUYỂN BAY CHUYÊN CƠ, CHUYÊN KHOANG

Điều 27. Thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không cấp cho người, phương tiện phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang

1. Việc cấp, quản lý và sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không cho người, phương tiện phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang thực hiện theo quy định tại Chương II của Thông tư này.

2. Mẫu thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không cấp cho người, phương tiện phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

3. Người đứng đầu đơn vị tham gia phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang lập danh sách người, phương tiện thường xuyên phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang đề nghị cơ quan cấp thẻ, giấy phép để cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng dài hạn, trong đó phải nêu rõ nhiệm vụ thường xuyên của người, phương tiện được đề nghị cấp thẻ, giấy phép phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

4. Người đứng đầu đơn vị tham gia phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang lập danh sách người, phương tiện đề nghị cơ quan cấp thẻ, giấy phép để cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không có giá trị sử dụng ngắn hạn, trong đó nêu rõ nhiệm vụ cụ thể của người, phương tiện phục vụ chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

5. Khi thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn đối tượng cảnh vệ, lực lượng Cảnh vệ Công an nhân dân sử dụng thẻ người, phù hiệu xe ô tô, PIN an ninh do Tư lệnh Bộ Tư lệnh cảnh vệ duyệt cấp để hoạt động tại các khu vực hạn chế và phải thông báo mẫu thẻ, phù hiệu, PIN an ninh cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh để phối hợp kiểm soát.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Thay thế cụm từ “cảng hàng không, sân bay” bằng cụm từ “cảng hàng không” tại các Điều 3, Điều 4, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, khoản 5 Điều 26, Điều 28, Điều 29, Điều 30, khoản 4

Điều 31, khoản 4 Điều 33, khoản 2 Điều 34, Điều 35, điểm d khoản 2 Điều 36, Điều 37, khoản 3 Điều 38, Điều 40, khoản 3 Điều 45, khoản 8 Điều 46, khoản 4 Điều 47, khoản 6 Điều 48, Điều 50, Điều 51, khoản 2 Điều 54, khoản 1 Điều 56, điểm b khoản 4 Điều 58, Điều 61, Điều 62, điểm a khoản 1 Điều 63, Điều 64, khoản 1 Điều 65, khoản 1 Điều 66, khoản 2 Điều 69, khoản 2 Điều 70, điểm a khoản 1 Điều 73, Điều 76, Điều 77, khoản 3 Điều 78, Điều 80, Điều 81, khoản 1 Điều 82, khoản 1 Điều 83, điểm b khoản 2 Điều 86, khoản 2 Điều 87, Điều 89, Điều 90, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95 và các Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục VII, Phụ lục IX, Phụ lục XII tại Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

3. Thông tư này thay thế, bãi bỏ các văn bản sau:

a) Thay thế Thông tư số 31/2025/TT-BCA ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không;

b) Bãi bỏ Phụ lục IA kèm theo Thông tư số 14/2026/TT-BCA ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

1. Thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết thời hạn hiệu lực ghi trên thẻ, giấy phép, chứng nhận và xử lý theo quy định hiện hành.

2. Hồ sơ đề nghị cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không, giấy phép thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an ninh hàng không, năng định chuyên môn đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Thông tư số 31/2025/TT-BCA ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không.

Điều 30. Trách nhiệm của Cục Quản lý xuất nhập cảnh

1. Chủ trì, tham mưu lãnh đạo Bộ Công an chỉ đạo thực hiện việc cấp, quản lý, giám sát, hướng dẫn sử dụng thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không.

2. Kiểm tra, hướng dẫn Công an cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác cấp, quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không.

3. Trong trường hợp áp dụng biện pháp an ninh tăng cường, khẩn nguy an ninh hoặc vì lý do an ninh, Cục Quản lý xuất nhập cảnh quyết định việc hạn chế người, phương tiện đã được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không vào các khu vực hạn chế và trao đổi ngay Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không liên quan.

4. Chủ trì, phối hợp với Cục Công nghiệp An ninh sản xuất phôi thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh bảo đảm yếu tố bảo mật, chống làm giả, cung ứng kịp thời yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Tư lệnh Cảnh vệ

Chủ trì, tham mưu lãnh đạo Bộ Công an ban hành hướng dẫn trình tự, thủ tục, đối tượng cấp, quản lý, sử dụng thẻ, phù hiệu, PIN an ninh để hoạt động tại các khu vực hạn chế cảng hàng không phục vụ chuyến bay chuyên cơ theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Thông tư này.

Điều 32. Trách nhiệm của Công an cấp tỉnh chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không

1. Chủ trì thực hiện việc cấp, quản lý, giám sát, hướng dẫn sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không tại các cảng hàng không do Công an cấp tỉnh chủ trì triển khai công tác bảo đảm an ninh hàng không.

2. Trong trường hợp áp dụng biện pháp an ninh tăng cường, khẩn nguy an ninh hoặc vì lý do an ninh, Công an cấp tỉnh quyết định việc hạn chế người, phương tiện đã được cấp thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh cảng hàng không vào các khu vực hạn chế và trao đổi ngay Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Cảng vụ hàng không liên quan.

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Cục Quản lý xuất nhập cảnh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo, trao đổi về Bộ Công an (qua Cục Quản lý xuất nhập cảnh) để được hướng dẫn. /

Nơi nhận:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Công an;
- Lưu: VT, PC&CCHCTP, QLXNC.

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Lương Tam Quang